

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
Tổ: NGŨ VĂN, LS&ĐL, GDCD

Họ và tên giáo viên:
Trần Thị Thúy Kiều

Bài 2: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp học sinh:

1. Kiến thức

- Đọc bản đồ dân số Việt Nam để rút ra được đặc điểm phân bố dân cư.
- Trình bày được sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: tự đọc sách và học liệu tham khảo, chủ động trong làm việc nhóm.
- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận, ...

*** Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: Phân tích ảnh hưởng của các đặc điểm phân bố dân, đặc trưng quần cư nông thôn và thành thị
- Tìm hiểu địa lí: Đọc được bản đồ dân số Việt Nam để xác định các đô thị.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: bảo vệ môi trường nơi sinh sống, có trách nhiệm với sự nghiệp công nghiệp hóa- thúc đẩy quá trình đô thị hóa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1, Giáo viên

- Phiếu học tập.
- Hình ảnh, video các loại hình quần cư, các đô thị, các loại quần cư...
- Bản đồ phân bố dân cư Việt Nam

2, Học sinh

- Sách giáo khoa, vở ghi.
- Giấy note làm bài tập trên lớp.
- Thiết bị kết nối internet (nếu có)
- Máy tính

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS ở tiết đầu tiên của môn Địa lí.

b) *Nội dung:* HS nghe bài hát “Cô Thắm về làng” và trả lời câu hỏi

c) *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

- *Theo em cô Thắm ở đâu mới về? → Ở trên thành phố hay ở nơi thành thị.*
- *Sự khác biệt về trang phục giữa cô Thắm và những người khác vào ngày cô Thắm về làng như thế nào? → Cô Thắm ăn mặc giống như những người ở trên thành phố chủ*

yếu là trang phục dành cho văn phòng. Những người ở miền quê thì mặc trang phục như đồ Bà Ba để thuận tiện cho sinh hoạt.

- Tại sao có sự khác biệt đó? → Ở nơi thành thị chủ yếu là những người làm công việc văn phòng và làm việc trong các công ty xí nghiệp; Ở nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp nên trang phục nhẹ nhàng thoải mái thuận lợi cho công việc.

- Theo em tại sao một sự kiện (như cô Thắm về làng) ở nông thôn lại được rất nhiều người quan tâm nhưng ở thành thị thì ít hơn? → Vì ở nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp cho nên có thời gian nông nhàn nhiều, mật độ dân số thưa nên phổ biến lối sống nông thôn mọi người quan tâm đến nhau nhiều. Ở thành thị mật độ dân số quá đông, dân cư lại đi làm trong các công ty và xí nghiệp cả ngày nên ít quan tâm được đến nhau trong những công việc thường ngày.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV cho HS nghe nhạc bài hát qua link <https://www.youtube.com/watch?v=bb-cnNkq-pI> và trả lời các câu hỏi:

1. Theo em cô Thắm ở đâu mới về?

2. Sự khác biệt về trang phục giữa cô Thắm và những người khác vào ngày cô Thắm về làng như thế nào?

3. Tại sao có sự khác biệt đó?

4. Theo em tại sao một sự kiện (như cô Thắm về làng) ở nông thôn lại được rất nhiều người quan tâm nhưng ở thành thị thì ít hơn?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS Trả lời câu hỏi theo tiến trình của giáo viên.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ Các học sinh đưa ra các câu hỏi để thảo luận

Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV khéo léo dẫn dắt học sinh vào nội dung liên quan đến bài học là phân bố dân cư và quần cư nông thôn và thành thị.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ DÂN CƯ

a) Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư của Việt Nam.

- Đọc được bản đồ dân số Việt Nam

b) Nội dung: HS làm việc nhóm và cả lớp để tìm hiểu đặc điểm phân bố dân cư của Việt Nam.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh và sản phẩm làm trong phiếu học tập (Nội dung phiếu phản hồi ở phần phụ lục)

+ **Nhiệm vụ 1:** Các đặc điểm chính phân bố dân cư của Việt Nam: phân bố dân cư nước ta có sự khác biệt giữa

- Đồng bằng và trung du, miền núi
- Giữa thành thị và nông thôn

+ **Nhiệm vụ 2:** phiếu phản hồi phần phụ lục

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** hoạt động cá nhân: Giáo viên cho học sinh đọc sách giáo khoa để xác định các đặc điểm chính phân bố dân cư của Việt Nam.

+ **Nhiệm vụ 2:** hoạt động nhóm: Chứng minh và giải thích tại sao dân cư nước ta phân bố không đều (Phiếu học tập phần phụ lục):

Cụm 1: Phiếu học tập số 1- phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi.

Cụm 2: Phiếu học tập số 2- phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ **Nhiệm vụ 1:** Học sinh đọc sách giáo khoa và giơ tay phát biểu

+ **Nhiệm vụ 2:** Các nhóm học sinh làm việc trong thời gian 3 phút:

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ **Nhiệm vụ 1:**

Giáo viên định hướng cho học sinh để các em có thể rút ra được các đặc điểm chính của phân bố dân cư Việt Nam là:

- Mật độ trung bình: 297 người/km²
- Phân bố không đều
- Giữa đồng bằng và trung du, miền núi
- Giữa thành thị và nông thôn.

Giáo viên cung cấp cho học sinh công thức tính mật độ dân số

MẬT ĐỘ DÂN SỐ

Là **số dân** tính bình quân trên **1 Km² diện tích** lãnh thổ.

CÁCH TÍNH

Chia dân số (thời điểm hoặc bình quân) của một vùng dân cư nhất định cho diện tích lãnh thổ của vùng đó.

Mật độ dân số = $\frac{\text{dân số}}{\text{diện tích}} \quad (\text{Đơn vị: người/km}^2)$

MD DS của Việt Nam (2021) = $\frac{98,5 \text{ triệu người}}{331 \text{ 212 km}^2} = 297 \text{ (người/km)}$

Đây là mức mật độ dân số cao thứ **3** trong khu vực Đông Nam Á, sau Singapore.

GV mở rộng với mật độ này Việt Nam đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á, sau Singapore, Phi-li-pin.

+ **Nhiệm vụ 2:** Giáo viên gọi học sinh bất kỳ trong nhóm lên trình bày, các học sinh trong nhóm đó hoặc các nhóm có cùng nội dung bổ sung cho hoàn chỉnh.

+ Các học sinh thuộc nhóm khác thảo luận, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.

+ Giáo viên gọi học sinh lên bảng chỉ trên bản đồ hình 2 các vùng có mật độ dân số cao và thưa, các đô thị có mật độ dân số cao nhất cả nước.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV chuẩn kiến thức

+ HS ghi bài

Hoạt động 2: TÌM HIỂU VỀ QUẦN CƯ THÀNH THỊ VÀ QUẦN CƯ NÔNG THÔN

a) *Mục tiêu:* HS trình bày sự khác biệt giữa quần cư thành thị và quần cư nông thôn ở nước ta.

b) *Nội dung:* Học sinh làm việc cả lớp quan sát quần cư nông thôn và quần cư thành thị trên google earth và so sánh 2 dạng quần cư trên.

c) *Sản phẩm:*

- Câu trả lời của HS.

d) *Tổ chức thực hiện:*

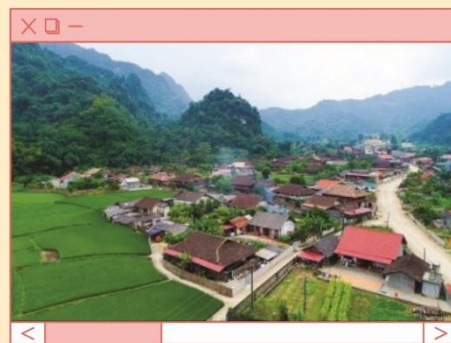
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Giáo viên nêu khái niệm quần cư cho học sinh trước khi vào nội dung để học sinh có thể hiểu bài được dễ hơn

Khái niệm quần cư



QUẦN CƯ





Theo nghĩa hẹp: quần cư là dân cư sống quây tụ lại ở một nơi, một vùng.

Theo nghĩa rộng: quần cư là từ dùng để chỉ một loại hình thức phân bố dân cư, động thực vật trên bề mặt Trái Đất. Trong quần cư bao gồm cả các điều kiện giúp sinh vật sinh tồn và phát triển thuận lợi.

Nguồn biên tập theo <https://tbtvn.org/quan-cu-la-gi/>

+ Giáo viên mở lên Google earth và cho học sinh quan sát quần cư nông thôn và thành thị ở địa phương, đồng thời đặt những câu hỏi gợi mở để các em phân biệt hai loại quần cư <https://earth.google.com/static/multi-threaded/versions/10.49.0.0/index.html?>

<p>THÀNH THỊ QUẦN CƯ NÔNG THÔN</p>  <ul style="list-style-type: none"> • Nhận xét về mật độ dân số của hai loại quần cư (Mức độ tập trung của dân cư) • Nhận xét về không gian tập trung dân cư đồng đúc ở hai loại quần cư. • Rút ra kết luận về sự phân bố dân cư của hai loại quần cư. • Giải thích tại sao quần cư nông thôn có những khu vực rất ít/ không có dân cư sinh sống 	<p>QUẦN CƯ THÀNH THỊ</p>  <ul style="list-style-type: none"> • Quần cư đô thị thì dân cư tập trung đồng đúc hơn, mật độ dân số cao. • Quần cư thành thị thường là cả thành phố có mật độ cao <p>QUẦN CƯ NÔNG THÔN</p>  <ul style="list-style-type: none"> • Quần cư nông thôn thì dân số tập trung đọc theo các đường lớn; hoặc các trung tâm hành chính. Ngoài những khu vực trên thì mật độ dân số thưa thớt/ không có dân cư sinh sống >>> là khu vực canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp.
 <p style="text-align: center;">Quần cư thành thị</p>	 <p style="text-align: center;">Quần cư nông thôn</p>

+ Hệ thống câu hỏi gợi mở:

- Nhận xét về **mật độ dân số** của hai loại quần cư (Mức độ tập trung của dân cư)
- Nhận xét về **không gian** tập trung dân cư đồng đúc ở hai loại quần cư.
- Rút ra **kết luận** về sự phân bố dân cư của hai loại quần cư.
- Giải thích tại sao **quần cư nông thôn** có những khu vực rất ít hoặc không có dân cư sinh sống (Quan sát thấy rõ trên Google Earth).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

+ Học sinh trả lời và thảo luận các câu hỏi giáo viên đưa ra.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ Giáo viên khéo léo để dẫn dắt học sinh rút ra được các đơn vị kiến thức thông qua các câu hỏi:

- Nhận xét về **mật độ dân số** của hai loại quần cư (Mức độ tập trung của dân cư) → quần cư đô thị có dân cư tập trung đồng đúc hơn, mật độ dân số cao.
- Nhận xét về **không gian** tập trung dân cư đồng đúc ở hai loại quần cư → Quần cư thành thị thường là cả thành phố có mật độ cao, còn quần cư nông thôn thì dân số tập trung dọc theo các đường lớn; hoặc các trung tâm hành chính như Ủy ban nhân dân....
- Rút ra **kết luận** về sự phân bố dân cư của hai loại quần cư. (Tham khảo phần ghi bài).
- Giải thích tại sao **quần cư nông thôn** có những khu vực rất ít hoặc không có dân cư sinh sống (Quan sát thấy rõ trên Google Earth): Đa số người dân trong khu vực nông thôn làm việc trong khu vực 1: Nông- lâm- ngư nghiệp nên ngoài diện tích đất sử dụng để làm nhà ở cần có diện tích để làm canh tác nên có những khu vực không có dân cư. Còn các khu vực quần cư thành thị thì đa số hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, cần có các nhà máy và xí nghiệp để sản xuất, diện tích đất dành cho nông nghiệp ít.

+ Giáo viên cho học sinh đọc thêm mục Em có biết để cập nhật về số lượng các đô thị của Việt Nam theo Bộ Xây dựng, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 ngành Xây dựng năm 2021

+ Giáo viên mở rộng về xu hướng hiện nay của quần cư nông thôn: do ảnh hưởng của sự đô thị hóa, các quần cư nông thôn đang có sự chuyển mình đáng kể. Không chỉ về quy mô mà quần cư nông thôn đang dần thay đổi về cấu trúc, chức năng... Bên cạnh chức năng chính là chế biến các sản phẩm nông nghiệp, hiện nay quần cư nông thôn đang hướng đến mục tiêu phát triển thủ công nghiệp, lâm nghệ, thể thao, du lịch... một cách hoàn thiện hơn. Nhờ đó mà theo các thông kê được công bố trên các trang điện tử uy tín, quá trình đô thị hóa đang trên đà phát triển mạnh, điều này khiến cho các quần cư nông thôn ngày càng xích lại gần hơn với quần cư đô thị.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV kết luận: Quần cư là sự phân tán của các cá thể trong không gian, nó gắn liền với quá trình sản xuất và phát triển công nông nghiệp. Hiện nay, ở các khu đô thị thường có trình độ sản xuất phi nông nghiệp tức công nghiệp và dịch vụ phát triển. Chính vì vậy quy mô dân số tại quần cư thành thị sẽ tập trung và cao hơn so với vùng nông thôn.

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Kiểm tra, ôn tập lại nội dung đã học.

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi ô chữ

c) Sản phẩm: Câu trả lời miệng của học sinh.

1. Khu vực nào chỉ chiếm 1/4 diện tích cả nước nhưng lại chiếm đến 3/4 số dân cả nước?

CÂU HỎI	TRẢ LỜI
Khu vực nào chỉ chiếm 1/4 diện tích cả nước nhưng lại chiếm đến 3/4 số dân cả nước?	Đồng bằng

Khu vực nào chỉ chiếm 3/4 diện tích cả nước nhưng chỉ chiếm 1/4 số dân cả nước?	Miền núi
Vùng nào có mật độ dân số cao nhất nước ta?	Đồng bằng sông Hồng
Vùng nào có mật độ dân số thấp nhất nước ta?	Tây Nguyên
Phân bố dân cư thành thị và nông thôn ở nước ta có sự thay đổi cùng với quá trình nào?	Công nghiệp hoá
Khu vực nào có tỷ lệ dân còn thấp, song có xu hướng tăng nhanh?	Thành thị
Khu vực nào có tỷ lệ dân lớn và có xu hướng tăng giảm	Nông thôn
Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn.	Nông nghiệp

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu luật chơi

	<p>Across</p> <ol style="list-style-type: none"> Khu vực nào chỉ chiếm 3/4 diện tích cả nước nhưng chỉ chiếm 1/4 số dân cả nước? (4,3) Vùng nào có mật độ dân số cao nhất nước ta? (4,4,4,4) Khu vực nào có tỷ lệ dân còn thấp, song có xu hướng tăng nhanh? (5,3) Khu vực nào có tỷ lệ dân lớn và có xu hướng tăng giảm (4,4) Hoạt động kinh tế chủ yếu của quần cư nông thôn. (4,6) <p>Down</p> <ol style="list-style-type: none"> Khu vực nào chỉ chiếm 1/4 diện tích cả nước nhưng lại chiếm đến 3/4 số dân cả nước? (4,4) Vùng nào có mật độ dân số thấp nhất nước ta? (3,6) Phân bố dân cư thành thị và nông thôn nước ta có sự thay đổi cùng với quá trình nào? (4,6,3)
--	--

+ Các em được lựa chọn câu hỏi, khi câu hỏi hiện ra bạn nào giơ tay sớm nhất sẽ được giành quyền trả lời.

+ Nếu trả lời đúng thì được tặng sticker khen thưởng, cứ ba sticker khen thưởng thì được quy đổi thành một điểm cộng trong cột điểm thường xuyên.

(GV có thể cho HS chơi online và ghi nhận kết quả theo nhóm <https://wordwall.net/resource/69950042>)

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS chơi trò chơi

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV cho thảo luận các câu sai/ không trả lời được

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

4. VẬN DỤNG

a) *Mục tiêu:* HS vận dụng kiến thức vào thực tiễn tìm hiểu về loại hình quần cư ở địa phương học sinh sinh sống.

b) *Nội dung:* Học sinh làm bài về nhà theo hướng dẫn của giáo viên

c) *Sản phẩm:* bài làm của học sinh.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên hướng dẫn học sinh tìm hiểu và viết báo cáo ngắn về các đặc điểm của loại hình quần cư đó hoặc sưu tập hình ảnh/ video về sự phân bố dân cư ở địa phương.

+ **Thời gian làm bài: 1 tuần**

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV cho HS nộp bài vào tiết sau.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Trường: THCS LÝ THƯỜNG KIỆT
Tổ: NGŨ VĂN, LS&ĐL, GDCD

Họ và tên giáo viên:
Trần Thị Thúy Kiều

Bài 3: THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ VIỆC LÀM Ở ĐỊA PHƯƠNG

Môn học/Hoạt động giáo dục: ĐỊA LÍ; Lớp: 9

Thời gian thực hiện: (1 tiết)

I. MỤC TIÊU

Sau bài học này, giúp học sinh:

1. Kiến thức

- Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.

2. Năng lực

2.1. Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, làm việc độc lập và làm việc nhóm giải quyết các vấn đề thực tế, có tư duy tổng hợp, phân tích, đánh giá vấn đề.

2.2. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức Địa lí: Trình bày được một số thông tin về vấn đề việc làm ở địa phương em đang sinh sống.

- Năng lực tìm hiểu Địa lí: Sử dụng công cụ Địa lí qua lược đồ, biểu đồ, hình ảnh, ... về vấn đề việc làm ở địa phương

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí: Tìm kiếm thông tin trên Internet về vấn đề việc làm ở địa phương; thiết kế sản phẩm sáng tạo về vấn đề việc làm ở địa phương

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Thông qua tìm kiếm tư liệu về địa phương.

- Trách nhiệm với nhiệm vụ của mình, với nhiệm vụ nhóm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1, Giáo viên

- Bài trình chiếu, các link website,....

- Tranh ảnh, video, các thông tin về vấn đề việc làm ở địa phương

- Bảng tiêu chí đánh giá sản phẩm.

2, Học sinh

- Sách giáo khoa và vở ghi; giấy A4 để vẽ sơ đồ tư duy

- Thiết bị kết nối internet

- Sản phẩm sáng tạo chuẩn bị trước ở nhà

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

a) *Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS ở tiết đầu tiên của môn Địa lí.

b) *Nội dung:* HS diễn tiểu phẩm về vấn đề việc làm.

c) *Sản phẩm:* Tiểu phẩm của HS

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

+ GV gợi ý cho HS diễn kịch về vấn đề việc làm, Gv có thể cung cấp cho HS kịch bản như ở phần phụ lục hoặc hướng dẫn các em tự viết, có thể sử dụng công cụ Ai Chat GPT để hỗ trợ và chỉnh sửa thêm: <https://chat.openai.com/>

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- + Đội kịch diễn
- + Các HS quan sát và lắng nghe câu chuyện

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

+ GV/ đội kịch đặt vấn đề cho HS cả lớp cùng thảo luận và giải quyết trong nội dung bài: “Sau lớp 9 các em có nhiều ngã rẽ để đi học tiếp, đi làm, học nghề...mục đích chính là kiếm được việc làm ổn định sau này”. Vậy tại sao việc làm lại là vấn đề khó khăn cần giải quyết ở Việt Nam? Giáo viên có thể đưa ra một số lí do như:

- Quy mô dân số đông và lực lượng lao động dồi dào.
- Việt Nam có cơ cấu dân số trẻ, mặc dù đang chuyển sang già hóa nhưng mỗi năm vẫn được bổ sung gần thêm 1 triệu lực lượng lao động càng tăng >>> dẫn đến sự cạnh tranh cao trong việc tìm kiếm việc làm.
- Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ chưa hoàn thiện, dẫn đến sự mất cân đối về nhu cầu lao động trong các ngành khác nhau.
- Sự phát triển của công nghệ và tự động hóa đã thay thế nhiều công việc thủ công, làm giảm nhu cầu lao động trong một số ngành nghề.
- Sự phân bố lao động không đồng đều: lao động tập trung ở các thành phố lớn và khu công nghiệp, trong khi ở nông thôn và các vùng sâu, vùng xa lại thiếu cơ hội việc làm, dẫn đến sự di cư lao động và những vấn đề xã hội khác.
- Các chính sách hỗ trợ việc làm chưa hiệu quả hoặc chưa kịp thời. Các doanh nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tuyển dụng và duy trì lao động do những quy định pháp lý phức tạp.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

+ GV khéo léo dẫn dắt học sinh vào nội dung liên quan đến bài học vấn đề việc làm ở địa phương.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ VẤN ĐỀ VIỆC LÀM Ở ĐỊA PHƯƠNG

- Mục tiêu:* Phân tích được vấn đề việc làm ở địa phương.
- Nội dung:* HS làm việc nhóm và cả lớp để tìm hiểu về vấn đề việc làm ở địa phương.
- Sản phẩm:* các nhóm vẽ mindmap, làm powerpoint, vẽ Infographic, diễn kịch...về vấn đề việc làm ở địa phương.
- Tổ chức thực hiện*

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Trước giờ lên lớp:**
 - Các nhóm chuẩn bị trước nội dung ở nhà để tìm hiểu về về vấn đề việc làm ở địa phương.
 - Nghiên cứu bài học ở nhà, giáo viên chia lớp thành 3/6 nhóm tùy theo số số của HS và chuẩn bị nội dung thuyết trình theo hướng dẫn của giáo viên, cụ thể nội dung như sau:

Nhóm	Nội dung tìm hiểu
1	Làm video về KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM LAO ĐỘNG
2	Vẽ Infographic về VẤN ĐỀ VIỆC LÀM, gồm có 2 nội dung: a) Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động b) Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động

3	Làm Powerpoint: Đề xuất giải pháp giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm
---	---

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- * HS làm việc ở nhà
- * GV hỗ trợ HS, cung cấp các đường Link và công cụ hỗ trợ nếu cần thiết cho các em.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

□ Trong giờ lên lớp:

Vòng 1: báo cáo sản phẩm

- Mỗi nhóm báo cáo sản phẩm trong thời gian tối đa là 5 phút.
- Các nhóm lắng nghe, ghi chép và đặt câu hỏi cho các nhóm khác, các nhóm có câu hỏi/ trả lời hay sẽ được điểm cộng.
- GV cung cấp thêm các thông tin bổ trợ về vấn đề thất nghiệp và thiếu việc làm cho HS

NHÓM 2

VẤN ĐỀ VIỆC LÀM



TỈ LỆ THẤT NGHIỆP

Là người từ **đủ 15 tuổi trở lên** mà trong thời kỳ tham chiếu có **đầy đủ cả 03 yếu tố**:

- Hiện **không** làm việc,
- **Đang** tìm kiếm việc làm
- Và **sẵn sàng** làm việc.

$$\text{Tỷ lệ thất nghiệp} = \frac{\text{Số người thất nghiệp}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100 \text{ (Đơn vị: \%)}$$



TỈ LỆ THIẾU VIỆC LÀM

Gồm những người **có việc làm** trong thời gian tham chiếu 07 ngày trước thời điểm quan sát thoả mãn **cả 03 tiêu chuẩn** sau đây:

- Thực tế họ đã làm **dưới 35 giờ**.
- **Mong muốn** làm việc thêm giờ
- **Sẵn sàng** làm việc **thêm** giờ

$$\text{Tỷ lệ thiếu việc làm} = \frac{\text{Số người thiếu việc làm}}{\text{Tổng số người có việc làm}} \times 100 \text{ (Đơn vị: \%)}$$

- GV phân biệt rõ cho HS biện pháp giải quyết vấn đề việc làm khác nhau ở đô thị và nông thôn: ở nông thôn chủ yếu là thiếu việc nên cần phát triển nghề phụ, khôi phục các nghề truyền thống để tận dụng hết quỹ thời gian lao động, tận dụng thời gian nông nhàn. Còn ở thành thị có tỉ lệ thất nghiệp cao hơn nên phát triển công nghiệp và dịch vụ để tạo ra được khối lượng việc làm lớn

GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THẤT NGHIỆP Ở ĐÔ THỊ

Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở đô thị để tạo ra được khối lượng việc làm lớn



GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU VIỆC Ở NÔNG THÔN

Phát triển nghề phụ, khôi phục các nghề truyền thống để giải quyết tình trạng thiếu việc



Vòng 2: Tổ chức “HỘI CHỢ VIỆC LÀM”

- Các nhóm đóng vai là nhà tuyển dụng của các công ty viết ra yêu cầu tuyển dụng của mình
- GV đặt vấn đề và hướng dẫn HS viết ra yêu cầu của công việc, thông qua việc viết ra các yêu cầu này, các em sẽ có các định hướng để hoàn thiện mình để có thể kiếm được việc trong tương lai dễ dàng hơn.
 - GV cho ví dụ minh họa để HS dễ tưởng tượng nhiệm vụ của mình
 - HS thực hiện trong thời gian 5 phút
 - Báo cáo trong thời gian 2 phút/ nhóm dưới hình thức tổ chức “HỘI CHỢ VIỆC LÀM”



+ Các nhà nhóm chấm điểm cho nhau, dựa vào các tiêu chí trong phiếu đánh giá, kết hợp phần trả lời câu hỏi và đưa giải pháp.

Bước 4: Kết luận, nhận định:

* GV ghi nhận điểm số/ điểm cộng cho nhóm xuất sắc nhất, GV chốt kiến thức, HS ghi bài trong phiếu tự học

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức cơ bản của bài học.
- Kích thích tư duy tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức, khả năng tìm kiếm thông tin và làm việc nhóm.

b) Nội dung: Học sinh vẽ lại sơ đồ tư duy nội dung bài học

c) Sản phẩm: sơ đồ tư duy của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nhắc lại nội dung cơ bản của bài học, Hs tóm tắt và hệ thống hóa bằng sơ đồ tư duy.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS cho Hs trưng bày sản phẩm, trình bày nhanh nội dung cơ bản.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: HS bình chọn cho sơ đồ tư duy đẹp và đầy đủ nhất.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Tìm hiểu về thị trường việc làm đối với ngành nghề HS đang quan tâm.

b) Nội dung: Học sinh làm bài về nhà theo hướng dẫn của giáo viên

c) Sản phẩm: bài làm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Hiện nay các em đã bắt đầu có định hướng nghề

nghiệp, vậy hãy về nhà tìm hiểu về thị trường việc làm đối với ngành nghề HS đang quan tâm.

+ *Thời gian thực hiện: 1 tuần*

+ *Cách thức: viết tay/ đánh máy trên giấy A4.*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV cho HS nộp bài vào tiết sau.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN

Tran Thu

Trần Thị Thúy Kiều